

越前市の避難場所

Địa điểm lánh nạn ở thành phố Echizen

福井県越前市

Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

東地区Khu vực HIGASHI

【一次避難場所 地点 避難場所】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đội,... vv	災害区分Khu vực thiên tai	一次避難場所名称Địa điểm lánh nạn tạm thời	避難場所の所在地Địa chỉ nơi sơ tán	屋内・屋外Trong nhà・Ngoài trời
府中一丁目		FUCHU 1 CHOME		地震時	市役所正面駐車場	府中一丁目13-7	屋外
府中二丁目		FUCHU 2 CHOME		地震時	福井鉄道越前武生駅前広場	府中二丁目	屋外
				風水害時	越前市東公民館	国府二丁目9-12	屋内
府中三丁目		FUCHU 3 CHOME		全災害時	武生東小学校グラウンド	国府二丁目9-12	屋外
吾妻町		AZUMA-CHO		風水害時	平和堂4Fフロア	府中一丁目	屋内
				全災害時	立体交差下広場	吾妻町1	屋外
住吉町		SUMIYOSHI-CHO		全災害時	スミヨシパーク(矢佐駐車場)	住吉町3-22	屋外
堀川町		HORIKAWA-CHO		風水害時	堀川町ふれあい会館	堀川町4-18	屋内
				地震時	錦公園	堀川町4-18	屋外
				全災害時	井元産婦人科医院	堀川町6-25	屋内
				全災害時	フォーユー・エクセル・わかたけ	堀川町9-15	屋内
錦町		NISHIKI-CHO		全災害時	錦町ふれあい会館	錦町	屋内
万代町		BANDAI-CHO		風水害時	武生東小学校体育館	国府二丁目9-12	屋内
				地震時	日信化学グラウンド	万代町10	屋外
天王町		TENNOU-CHO		全災害時	八坂神社	天王町5	屋外
蓬萊町		HOURL-CHO		全災害時	蔵の辻広場	蓬萊町4	屋外
幸町		SAIWA-CHO		地震時	市役所正面駐車場	府中一丁目13-7	屋外
国府一丁目		KOKUFU 1 CHOME		全災害時	本興寺境内	国府一丁目4-13	屋外
国府二丁目		KOKUFU 2 CHOME		風水害時	武生東小学校体育館	国府二丁目9-12	屋内
				地震時	武生東小学校体育館前広場	国府二丁目9-12	屋外
北府一丁目		KITAGO 1 CHOME		全災害時	南越清掃組合一清掃センター	北府一丁目3-20	屋外
北府二丁目		KITAGO 2 CHOME		風水害時	越前外科内科病院	北府二丁目12-13	屋内
				地震時	信越石英駐車場	北府二丁目10-6	屋外
北府三丁目		KITAGO 3 CHOME		全災害時	信越化学本田アパート公園	北府三丁目2	屋外
北府四丁目		KITAGO 4 CHOME		全災害時	北府ふれあい公園	北府四丁目	屋外
桂町		KATSURA-CHO		地震時	有明パーキング駐車場	桂町5	屋外
				全災害時	武生東小学校体育館	国府二丁目9-12	屋内
本多二丁目		HONDA 2 CHOME		全災害時	JA越前たけふ農協会館	本多二丁目10-22	屋内・屋外
本多三丁目		HONDA 3 CHOME		全災害時	JA武生翠光苑	本多二丁目9-13	屋内

【広域避難場所 広域避難場所】

広域避難場所	Khu vực sơ tán diện rộng	災害区分Khu vực thiên tai	住所Địa chỉ	電話番号Số điện thoại
武生東小学校	Trường tiểu học Takefu Higashi Shoogakkoo	全災害	国府二丁目9-12	0778-22-0367

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

西地区Khu vực NISHI

【一次避難場所 地点 避難時間】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đối...vv	災害区分Khu vực thiên tai	一次避難場所名称Địa điểm lánh nạn tạm thời	避難場所の所在地Địa chỉ nơi sơ tán	屋内・屋外Trong nhà・Ngoài trời		
本町		HON-MACHI		全災害時 Mọi thiên tai	陽願寺境内	本町3-10	Hon-machi 3-10	屋外	Ngoài trời
元町		MOTO-MACHI		全災害時 Mọi thiên tai	円徳寺前駐車場	元町4-4	Moto-machi 4-4	屋外	Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	(予備避難場所)金蓮寺境内	(Địa điểm lánh nạn dự bị) Chùa Kinren-ji	元町2-16	Moto-machi 2-16	屋外
京町一丁目		KYO-MACHI 1 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	総社大神宮境内	京町一丁目4-35	Kyo-machi 1 chome 4-35	屋外	Ngoài trời
京町二丁目		KYO-MACHI 2 CHOME		地震時 Động đất	正覚寺駐車場	京町二丁目55-6	Kyomachi 2 chome 55-6	屋外	Ngoài trời
京町三丁目		KYO-MACHI 3 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	栄久寺境内	京町三丁目4-34	Kyomachi 3 chome 4-34	屋外	Ngoài trời
本多一丁目		HONDA 1 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	御霊神社境内	本多一丁目3-1	Honda 1chome 3-1	屋外	Ngoài trời
平和町		HEIWA-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	交流センターみどり	平和町7-24	Heiwa-cho 7-24	屋外	Ngoài trời
若松町		WAKAMATSU-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	太田会館	若松町5-37	Wakamatsu-cho 5-37	屋内	Trong nhà
高瀬一丁目		TAKASE 1 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	八幡神社境内高瀬ふれあい会館前	高瀬一丁目25	Takase 1chome 25	屋外	Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	高瀬公園	高瀬一丁目27字170	Takase 1chome 27-170	屋外	Ngoài trời
高瀬二丁目		TAKASE 2 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	中央公園噴水周辺	高瀬二丁目	Takase 2 chome	屋外	Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	文化センター前	高瀬二丁目3-3	Takase 2 chome 3-3	屋外	Ngoài trời
中央一丁目		CHUO 1 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	武生西幼稚園前	中央二丁目2-13	Chuo 2 chome 2-13	屋外	Ngoài trời
中央二丁目		CHUO 2 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	武生西幼稚園前	中央二丁目2-13	Chuo 2 chome 2-13	屋外	Ngoài trời
深草一丁目		FUKAKUSA 1 CHOME		風水害時	武生西小学校体育館	中央二丁目2-13	Chuo 2 chome 2-13	屋内	Trong nhà
				全災害時 Mọi thiên tai	忠霊塔前広場	深草一丁目25	Fukakusa 1 chome 25	屋外	Ngoài trời
深草二丁目		FUKAKUSA 2 CHOME		風水害時	金剛院本堂・境内	深草二丁目2-37	Fukakusa 2 chome 2-37	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
				地震時 Động đất	枚井手神社	深草二丁目6	Fukakusa 2 chome 6	屋外	Ngoài trời
平出一丁目		HIRAIDE 1 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	武生第一中学校	平出一丁目6-1	Hiraide 1 chome 6-1	屋外	Ngoài trời
平出二丁目		HIRAIDE 2 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	コープ武生平出店	平出二丁目	Hiraide 2 chome	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
平出三丁目		HIRAIDE 3 CHOME		地震時 Động đất	枚井手公園	平出三丁目29	Hiraide 3 chome 29		
小松一丁目		KOMATSU 1 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	武生西小学校グラウンド	中央二丁目2-13	Chuo 2 chome 2-13	屋外	Ngoài trời
小松二丁目		KOMATSU 2 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	武生第一中学校グラウンド	平出一丁目6-1	Hiraide 1 chome 6-1	屋外	Ngoài trời
日野美一丁目		HINOMI 1 CHOME		風水害時	唐松公園	日野美二丁目	Hinomi 2 chome	屋外	Ngoài trời
日野美二丁目		HINOMI 2 CHOME		風水害時	唐松公園	日野美二丁目	Hinomi 2 chome	屋外	Ngoài trời
野上町一・二丁目		NOGAMI-CHO	1・2 CHOME	全災害時 Mọi thiên tai	羽衣公園	上太田町26	Kamioda-cho 26	屋外	Ngoài trời
野上町三丁目	3 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	平井皮膚科医院駐車場	上太田町49-6-6	Kamioda-cho 49-6-6	屋外	Ngoài trời	
新町		SHIN-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	新町集会場(兼社務所)	新町7-3	Shin-cho 7-3	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
北千福町		KITASENPUKU-CHO		風水害時	北千福町ふれあい会館	上太田町18	Kamioda-cho18	屋内	Trong nhà
				地震時 Động đất	羽衣公園	上太田町26	Kamioda-cho 26	屋外	Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	市営上太田住宅	上太田町11-2	Kamioda-cho 11-2	屋内	Trong nhà
沢町		SAWA-CHO		風水害時	ふるさと会館(町内集会場)	沢町第2号地係	Sawa-cho2	屋内	Trong nhà
				地震時 Động đất	朝霧公園	沢町19	Sawa-cho19	屋外	Ngoài trời

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng	災害区分Khu vực thiên tai	住所Địa chỉ	電話番号Số điện thoại
武生西小学校	全災害 Mọi thiên tai	中央二丁目2-13	0778-22-0408
武生第一中学校	全災害 Mọi thiên tai	平出一丁目6-1	0778-23-1411

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

南地区Khu vực MINAMI

【一次避難場所 地点 避難時間】				災害区分Khu vực thiên tai		一次避難場所名称Địa điểm lánh nạn tạm thời		避難場所の所在地Địa chỉ nơi sơ tán		屋内・屋外Trong nhà・Ngoài trời	
町名	班等	Tên Phường	Nhóm đối... vv	全災害時	Mọi thiên tai	町内児童公園	Công viên Jidou Kooen	南一丁目6-4	Minami 1chome 6-4	屋外	Ngoài trời
南一丁目		MINAMI 1 CHOME		全災害時	Mọi thiên tai	武生工業高校	Trường trung học Takefu Koogyoo Kookoo	文京一丁目14-16	Bunkyo 1chome 14-16	屋外	Ngoài trời
南二・三丁目		MINAMI 2・3 CHOME		全災害時	Mọi thiên tai	南二・三丁目集会所前道路	Đường trước điểm tập trung Minami 2,3 choume Shuukaijo	南二丁目5-22	Minami 2chome 5-22	屋外	Ngoài trời
武生柳町		TAKEFU YANAGI-CHO		地震時	Động đất	武生南小学校グラウンド	Sân trường của trường tiểu học Takefu Minami Shoogakkoo Guraundo	武生柳町13-20	Takefu Yanagi-cho 13-20	屋外	Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	武生南公民館	Hội trường công cộng Takefu Minami Koominkan	武生柳町12-27	Takefu Yanagi-cho 12-27	屋内	Trong nhà
若竹町		WAKATAKE-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	武生南小学校グラウンド	Sân trường của trường tiểu học Takefu Minami Shoogakkoo Guraundo	武生柳町13-20	Takefu Yanagi-cho 13-20	屋外	Ngoài trời
あおば町		AOBA-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	円宮寺境内	Chùa Enguu-ji	あおば町2-41	Aoba-cho 2-41	屋内	Trong nhà
神明町		SHINMEI-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	神明町多目的広場	Quảng trường Shinmei-cho Tamokuteki Hiroba	神明町4-4	Shinmei-cho 4-4	屋外	Ngoài trời
豊町		YUTAKA-CHO		風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	武生南小学校体育館	Phòng tập thể dục trường tiểu học Takefu Minami Shoogakkoo Taiikukan	若竹町11	Wakatake-cho 11	屋内	Trong nhà
				地震時	Động đất	喰太呂南側駐車場	Bãi đậu xe phía nam nhà hàng nướng yakiniku "Kuitaroo"	豊町7	Yutaka-cho 7	屋外	Ngoài trời
姫川一丁目		HIMEKAWA 1 CHOME		全災害時	Mọi thiên tai	南元公園	Công viên Minamimoto Kooen	姫川一丁目6	Himekawa 1 chome 6	屋外	Ngoài trời
姫川二丁目		HIMEKAWA 2 CHOME		風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	姫川町生活改善センター	Trung tâm Himekawa-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	姫川二丁目13-33	Himekawa 2 chome 13-33	屋内	Trong nhà
				地震時	Động đất	姫川公園	Công viên Himekawa Kooen	姫川二丁目14	Himekawa 2 chome 14	屋外	Ngoài trời
文京一丁目		BUNKYO 1 CHOME		全災害時	Mọi thiên tai	文一会館	Hội trường Bun-ichi Kaikan	文京一丁目12	Bunkyo 1 chome 12	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	武生工業高校	Trường trung học Takefu Koogyoo Kookoo	文京一丁目14-16	Bunkyo 1 chome 14-16	屋外	Ngoài trời
文京二丁目		BUNKYO 2 CHOME		全災害時	Mọi thiên tai	文京公園	Công viên Bunkyo Kooen	文京二丁目5	Bunkyo 2 chome 5	屋外	Ngoài trời
御幸町		MIYUKI-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	越前たけふサンホーム駐車場	Bãi đậu xe Echizen Takefu Sanhoomu	御幸町17-16	Miyuki-cho 17-16	屋外	Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	中挟慈心寺観音堂	Chùa Nakabasami Jishin-ji Kannonodo	御幸町8	Miyuki-cho 8	屋外	Ngoài trời
東千福町		HIGASHI SENPUKU-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	紫式部公園	Công viên Murasakishikibu Kooen	東千福町20	Higashi Senpuku-cho 20	屋外	Ngoài trời
行松町	1~6班	YUKIMATSU-CHO	Nhóm đối 1~6	全災害時	Mọi thiên tai	行松会館	Hội trường Yukimatsu Kaikan	行松町20-15-1	Yukimatsu-cho 20-15-1	屋内	Trong nhà
				風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	妙法寺町改善センター	Trung tâm Myoohooji-cho Kaizen Sentaa	妙法寺町17-52	Myohoji-cho 17-52	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
妙法寺町	1~5班	MYOHOJI-CHO	Nhóm đối 1~5	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	安証公園	Chùa Anshoo-ji	妙法寺町14-41	Myohoji-cho 14-41	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
	5~6班			地震時	Động đất	妙法寺公園、改善センター	Công viên Myoohooji Kooen / Trung tâm Kaizen	妙法寺町648	Myohoji-cho 648	屋外	Ngoài trời
				地震時	Động đất	神山南部式部公園	Công viên Kamiyama-nanbu Shikibu Kooen	妙法寺町392	Myohoji-cho 392	屋外	Ngoài trời
松森町		MATSUMORI-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	地藏公園	Công viên Jizoo Kooen	松森町21-10	Matsumori-cho 21-10	屋外	Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	十府神社境内	Đền Toofu-jinja	松森町21	Matsumori-cho 21	屋外	Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	月見地藏境内	Chùa Tsukimijizoo	松森町23	Matsumori-cho 23	屋外	Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	行松会館	Hội trường Yukimatsu Kaikan	行松町10-51-1	Yukimatsu-cho 10-51-1	屋内	Trong nhà
月見町		TSUKIMI-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	月見町ふれあい会館	Hội trường Tsukimi-cho Fureai Kaikan	月見町25	Tsukimi-cho 25	屋内	Trong nhà
				全災害時	Mọi thiên tai	月見公園	Công viên Tsukimi Kooen	月見町26	Tsukimi-cho 26	屋外	Ngoài trời
暇町		NAWATE-CHO		風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	武生第二中学校体育館	Phòng tập thể dục Trường trung học Takefu Dai-ni Chuugakkoo Taiikukan	妙法寺町42-15	Myohoji-cho 42-15	屋内	Trong nhà
				地震時	Động đất	暇公園	Công viên Nawate Kooen	暇町	Nawate-cho	屋外	Ngoài trời
常久町		TSUNEHISA-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	常久町集会場	Hội trường Tsunehisa-cho Shuukaijo	常久町2-21	Tsunehisa-cho 2-21	屋内	Trong nhà
				全災害時	Mọi thiên tai	日笠神社境内	Đền Hino-jinja	常久町2-21	Tsunehisa-cho 2-21	屋外	Ngoài trời
常久団地		TSUNEHISA DANCHI		全災害時	Mọi thiên tai	武生第二中学校体育館	Phòng tập thể dục Trường trung học Takefu Dai-ni Chuugakkoo Taiikukan	妙法寺町42-15	Myohoji-cho 42-15	屋内	Trong nhà
				全災害時	Mọi thiên tai	土川医院駐車場	Bãi đậu xe phòng khám bệnh Tsuchikawa Iin	常久町8-1	Tsunehisa-cho 8-1	屋外	Ngoài trời
学園団地		GAKUEN DANCHI		風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	武生第二中学校体育館	Phòng tập thể dục Trường trung học Takefu Dai-ni Chuugakkoo Taiikukan	妙法寺町42-15	Myohoji-cho 42-15	屋内	Trong nhà
				全災害時	Mọi thiên tai	武生第二中学校グラウンド	Sân trường của Trường trung học Takefu Dai-ni Chuugakkoo Guraundo	妙法寺町42-15	Myohoji-cho 42-15	屋外	Ngoài trời
三ツ口町		MITSUKUCHI-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	三ツ口公園	Công viên Mitsukuchi Kooen	三ツ口町	Mitsukuchi-cho	屋外	Ngoài trời
千福町		SENPUKU-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	千福町民センター広場	Quảng trường trung tâm Senpuku Choomin Sentaa Hiroba	千福町252	Senpuku-cho252	屋外	Ngoài trời

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng		災害区分Khu vực thiên tai		住所Địa chỉ		電話番号Số điện thoại	
武生南小学校	Trường tiểu học Takefu Minami Shoogakkoo	全災害	Mọi thiên tai	武生柳町13-20	Takefuyanagi-cho 13-20	0778-22-0366	
武生第二中学校	Trường trung học Takefu Dai-ni Chuugakkoo	全災害	Mọi thiên tai	妙法寺町42-15	Myoohooji-cho 42-15	0778-23-1422	

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

神山・坂口地区Khu vực KAMIYAMA・SAKAGUCHI

【一次避難場所 地点・避難所名】

地区Khu vực	町名	班等	Tên Phường	Nhóm đối... vv	災害区分Khu vực thiên tai	一次避難場所名称Địa điểm lánh nạn tạm thời	避難場所の所在地Địa chỉ nơi sơ tán	屋内・屋外Trong nhà・Ngoài trời			
神山 KAMIYAMA	広瀬町	岡本町	OKAMOTO-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	岡本町住民センター	Trung tâm Okamoto-cho Juumin Sentaa	岡本町7-10-4	Okamoto-cho 7-10-4	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
		追分、谷下	OIWAKE, TANKA	風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	上広瀬ふれあい会館	Hội trường Kamihirose Fureai Kaikan	広瀬町96-101	Hirose-cho 96-101	屋内	Trong nhà
				地震時	Động đất	追分三叉路広場	Quảng trường Oiwake Sansaro Hiroba	広瀬町166	Hirose-cho 166	屋外	Ngoài trời
		上戸、中丁西垣の内	UEDO, NAKACHO, NISHIGAKINOCHI	全災害時	Mọi thiên tai	上広瀬ふれあい会館	Hội trường Kamihirose Fureai Kaikan	広瀬町96-101	Hirose-cho 96-101	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
		大門、西出、岩崎	DAIMON, NISHIDE, IWAZAKI	全災害時	Mọi thiên tai	上広瀬ふれあい会館	Hội trường Kamihirose Fureai Kaikan	広瀬町96-101	Hirose-cho 96-101	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
		新田、下丁ウツダタウン1,2	SHINDEN, SHIMOCHO, UDDOTAUN 1,2	風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	神山小学校体育館	Phòng tập thể dục trường tiểu học Kamiyama Shoogakkoo Taiikukan	広瀬町102-43	Hirose-cho 102-43	屋内	Trong nhà
				地震時	Động đất	神山小学校グラウンド	Sân trường của trường tiểu học Kamiyama Shoogakkoo Guraundo	広瀬町102-43	Hirose-cho 102-43	屋外	Ngoài trời
		暖、四ツ辻、立出、十瀬、中央	NAWATE, YOTSUTSUJI, TACHIDE, JYUSE, CHUOO	風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	神山小学校体育館	Phòng tập thể dục trường tiểu học Kamiyama Shoogakkoo Taiikukan	広瀬町102-43	Hirose-cho 102-43	屋内	Trong nhà
				地震時	Động đất	神山小学校グラウンド	Sân trường của trường tiểu học Kamiyama Shoogakkoo Guraundo	広瀬町102-43	Hirose-cho 102-43	屋外	Ngoài trời
		正善寺、垣の内、光徳寺、南通り	SHOZENJI, KAKI NO UCHI, KOTOKUJI, MINAMI DORI	風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	越前市勤労者研修センター(ワークステップひろせ)	Trung tâm Echizen-shi Kinrousha Kenshu Sentaa (Waakusuteppu Hirose)	広瀬町141-1-1	Hirose-cho 141-1-1	屋内	Trong nhà
	地震時			Động đất	龍神庭園	Vườn (công viên) Ryoujin Teien	広瀬町10-18	Hirose-cho 10-18	屋外	Ngoài trời	
	朝日、柿の木	ASAHI, KAKI NO KI	全災害時	Mọi thiên tai	越前市勤労者研修センター(ワークステップひろせ)	Trung tâm Echizen-shi Kinrousha Kenshu Sentaa (Waakusuteppu Hirose)	広瀬町141-1-1	Hirose-cho 141-1-1	屋内	Trong nhà	
	中道、京田水窪、馬塚	NAKAMICHI, KYOUTA, MIZUKUBO, UMZUKA	全災害時	Mọi thiên tai	越前市勤労者研修センター(ワークステップひろせ)	Trung tâm Echizen-shi Kinrousha Kenshu Sentaa (Waakusuteppu Hirose)	広瀬町141-1-1	Hirose-cho 141-1-1	屋内	Trong nhà	
	下馬塚、市営住宅	SHIMOUAZUKA, SHIEI JYUTAKU	全災害時	Mọi thiên tai	越前市勤労者研修センター(ワークステップひろせ)	Trung tâm Echizen-shi Kinrousha Kenshu Sentaa (Waakusuteppu Hirose)	広瀬町141-1-1	Hirose-cho 141-1-1	屋内	Trong nhà	
	池ノ上町	IKENOKAMI-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	池ノ上勤労者スポーツセンター	Trung tâm thể thao Ikenokami Kinrousha Supootsu Sentaa	池ノ上町31-18-3	Ikenokami-cho 31-18-3	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời	
	広瀬ひばりが丘	HIROSE HIBARIGAOKA	風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	ひばりが丘公民館	Hội trường công cộng Hibarigaoka Koominkan	広瀬ひばりが丘	Hirose Hibarigaoka	屋内	Trong nhà	
			地震時	Động đất	ひばりが丘第2公園	Công viên Hibarigaoka Dai-ni (2) Kooen	広瀬ひばりが丘	Hirose Hibarigaoka	屋外	Ngoài trời	
	向が丘町	MUKOGAOKA-CHO	地震時	Động đất	向が丘公園	Công viên Mukogaoka Kooen	向が丘町	Mukogaoka-cho	屋外	Ngoài trời	
風水害時			Thiết hại do gió và lũ lụt	向が丘町ふれあい会館	Trung tâm công đồng Mukogaoka-cho Fureai Kaikan	向が丘町802	Mukogaoka-cho 802	屋内	Trong nhà		
全災害時			Mọi thiên tai	向が丘町中央避難所	Nơi sơ tán Mukogaoka-cho Chuuo Hinanjo	向が丘町1209	Mukogaoka-cho1209	屋外	Ngoài trời		
新小野町	SHIN KONO-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	新小野町公民館	Hội trường công cộng Shinkono-cho Koominkan	広瀬町117-1-34	Hirose-cho 117-1-34	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời		
坂口 SAKAGUCHI	湯谷町	YUYA-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	湯谷町ふれあい会館	Hội trường Yuya-cho Fureai Kaikan	湯谷町29-8-1	Yuya-cho 29-8-1	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời	
	中山町	NAKAYAMA-CHO	風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	八幡神社	Đền Hachiman-jinja	中山町76	Nakayama-cho 76	屋内	Trong nhà	
			地震時	Động đất	中山町構造改善センター	Trung tâm Nakayama-cho Koozoo Kaizen Sentaa	中山町59-16	Nakayama-cho 59-16	屋外	Ngoài trời	
	下別所町	SHIMO BESHYO-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	坂口小学校	Trường tiểu học Sakaguchi Shoogakkoo	湯谷町24-25	Yuya-cho 24-25	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời	
	勾当原町	KOTOGAHARA-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	坂口公民館	Hội trường công cộng Sakaguchi Koominkan	湯谷町24-18-1	Yuya-cho 24-18-1	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời	
	中津原町	NAKATSUHARA-CHO	地震時	Động đất	中津原町公民館	Hội trường công cộng Nakatsuhara-cho Koominkan	中津原町73-31	Nakatsuhara-cho 73-31	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời	
			風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	中津原町宇前田	Nakatsuhara-cho Aza-maeda	中津原町地係	Nakatsuhara-cho Chigakari	屋外	Ngoài trời	
下中津原町	SHIMONAKATSUHARA-CHO	全災害時	Mọi thiên tai	下中津原構造改善センター	Trung tâm Shimonakatsuhara KoozooKaizen Sentaa	下中津原町54-13	Shimonakatsuhara-cho 54-13	屋内	Trong nhà		

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

地区Khu vực	広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng	災害区分Khu vực thiên tai	住所Địa chỉ	電話番号Số điện thoại
神山KAMIYAMA	神山小学校 Trường tiểu học Kamiyama Shoogakkoo	全災害 Mọi thiên tai	越前市広瀬町102-43 Hirose-cho 102-43	0778-22-1104
坂口SAKAGUCHI	坂口小学校 Trường tiểu học Sakaguchi Shoogakkoo	全災害 Mọi thiên tai	越前市湯谷町24-25 Yuya-cho 24-25	0778-28-1808

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

【一次避難場所 避震場所】		【二次避難場所 避難場所】		【広域避難場所 避難場所】	
町名	班等	氏名	氏名	氏名	氏名
町名	班等	氏名	氏名	氏名	氏名
本保町		HONBO-CHO	全災害時	本保町生活改善センター	本保町地保
片屋町		KATAYA-CHO	全災害時	片屋町生活改善センター	片屋町17-23
水坂町		HISAKA-CHO	全災害時	水坂町生活改善センター	水坂町47-17
			全災害時	ファミリーほのか前駐車場	水坂町46-41-2
			全災害時	吉野小学校グラウンド	本保町17-1
			全災害時	吉野体育館	本保町17-1
余田町	1~7班	HAGURI-CHO	全災害時	余田町公民館	余田町34-7
	8班		全災害時	吉野小学校グラウンド	本保町17-1
	9班		全災害時	吉野体育館	本保町17-1
家久町	松久保	MATSUKUBO	風水害時	コミュニティセンター柳荘	家久町105-10-2
			地震時	高架下周辺(一時避難場所)	家久町100, 98の間
			地震時	柳原公園	家久町105-14
	瀬の口	YUNOKUCHI	風水害時	コミュニティセンター柳荘	家久町105-10-2
			地震時	高架下周辺(一時避難場所)	家久町111-2-9
			地震時	柳原公園	家久町105-14
	柳原	YANAGHARA	風水害時	コミュニティセンター柳荘	家久町105-10-2
			地震時	柳荘 別館(一時避難場所)	家久町105-23
			地震時	柳原公園	家久町105-14
	三ツ屋	MITSUYA	風水害時	コミュニティセンター柳荘	家久町105-10-2
			地震時	家久農村婦人の家駐車場	家久町78-56-12
			地震時	柳原公園	家久町105-14
石ノ塔	ISHINOTO	風水害時	コミュニティセンター柳荘	家久町105-10-2	
		地震時	石の塔公園(一時避難場所)	家久町82-1	
		地震時	柳原公園	家久町105-14	
深町	FUKAMACHI	風水害時	コミュニティセンター柳荘	家久町105-10-2	
		地震時	いろりや折々(一時避難場所)	家久町103-17-7	
		地震時	柳原公園	家久町105-14	
市窪	ICHIKUBO	風水害時	吉野小学校	本保町17-1	
		地震時	紙一 駐車場(一時避難場所)	家久町93-11	
		地震時	武生商工高校グラウンド	家久町24	
市営住宅	SHEI JYUTAKU	風水害時	吉野小学校	本保町17-1	
		地震時	市営住宅内公園(一時避難場所)	家久町803	
		地震時	武生商工高校グラウンド	家久町24	
東出	HIGASHIDE	風水害時	吉野小学校	本保町17-1	
		地震時	家久公民館駐車場(一時避難場所)	家久町803	
		地震時	武生商工高校グラウンド	家久町24	
上出	KAMIDE	風水害時	吉野小学校	本保町17-1	
		地震時	家久南部公園(一時避難場所)	家久町1001	
		地震時	武生商工高校グラウンド	家久町24	
船岡	FUNAOKA	風水害時	吉野小学校	本保町17-1	
		地震時	丹南きらめき駐車場(一時避難場所)	家久町49	
		地震時	武生商工高校グラウンド	家久町24	
聖ヶ花	SEIGAHANA	風水害時	吉野小学校	本保町17-1	
		地震時	家久公園(一時避難場所)	家久町2丁目	
		地震時	武生商工高校グラウンド	家久町24	
芝原一丁目	SHIBAHARA 1 CHOME	地震時	芝原第一公園	芝原一丁目	
		地震時	芝原第二公園	芝原一丁目	
		地震時	吉野瀬川堤防	芝原一丁目	
芝原二丁目	SHIBAHARA 2 CHOME	風水害時	南芝原公民館	芝原一丁目	
		風水害時	芝原ふれあい会館	芝原五丁目16-5	
		地震時	川端電気店駐車場	芝原二丁目	
芝原三丁目	SHIBAHARA 3CHOME	全災害時	芝原三丁目ふれあい会館	芝原三丁目125	
		風水害時	芝原ふれあい会館	芝原五丁目16-5	
		地震時	ハーツウイング職員駐車場	芝原四丁目4	
芝原四丁目	SHIBAHARA 4CHOME	風水害時	芝原ふれあい会館	芝原五丁目16-5	
		地震時	ひかり幼稚園	芝原四丁目1-30	
		地震時	ひかり幼稚園	芝原四丁目1-30	
芝原五丁目	SHIBAHARA 5 CHOME	共通	風水害時	芝原ふれあい会館	芝原五丁目16-5
		A1~4班	地震時	公園(グリーンタウン芝原北)	芝原五丁目4-2-35
		A5, 6班	地震時	公園(武生サイジング東側)	芝原五丁目11-34
		C3~5班, E1班	地震時	武生芝原公園(ゲートボール場)	芝原五丁目908
		B1~3, 5, 6班	地震時	武生芝原公園(ゲートボール場)西側	芝原五丁目908
		C1, 2班	地震時	武生芝原公園(ゲートボール場)西側	芝原五丁目908
		E4, 5班	地震時	公園(グリーンタウン芝原)	芝原五丁目11-8-6
		D1~6班	地震時	公園(ニュータウン芝原)	芝原五丁目15-2-15
D1~6班	地震時	公園(ニュータウン芝原)	芝原五丁目15-2-15		

【広域避難場所 避難場所】

町名	班等	氏名	氏名	氏名	氏名
吉野小学校		全災害時	本保町17-1	本保町17-1	0778-22-0192
コミュニティセンター柳荘		全災害時	家久町105-10-1	ichisa-cho 105-10-1	0778-23-3436

◇避難場所を確認しよう!
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

国高地区Khu vực KUNITAKA

【一次避難場所 地点 避難場所 (tạm thời)】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đối... vv	災害区分Khu vực thiên tai	一次避難場所名称地点 避難場所 (tạm thời)	避難場所の所在地 地点 避難場所 (tạm thời)	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời
村国一丁目		MURAKUNI 1 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	武生第三中学校	Trường trung học Takefu Dai-san Chuugakkoo	村国二丁目3-56 Murakuni 2 chome 3-56 屋外 Ngoài trời
村国二丁目		MURAKUNI 2 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	武生第三中学校グラウンド	Sân trường của Trường trung học Takefu Dai-san Chuugakkoo Guraundo	村国二丁目3-56 Murakuni 2 chome 3-56 屋外 Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	武生第三中学校体育館	Phòng tập thể dục Trường trung học Takefu Dai-san Chuugakkoo Taiikukan	村国二丁目3-56 Murakuni 2 chome 3-56 屋内 Trong nhà
村国三丁目		MURAKUNI 3 CHOME		地震時 Động đất	村国公園	Công viên Murakuni Kooen	村国三丁目22-1 Murakuni 3 chome 22-1 屋外 Ngoài trời
村国四丁目		MURAKUNI 4 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	国高小学校体育館	Phòng tập thể dục trường tiểu học Kunitaka Shoogakkoo Taiikukan	国高1丁目15-5 Kunitaka 1 chome 15-5 屋内 Trong nhà
八幡一丁目		HACHIMAN 1 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	八幡公園・会館	Công viên Hachiman Kooen / Hội trường Hachiman Kaikan	八幡一丁目 Hachiman 1 chome 屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	県立武生高等学校	Trường trung học Takefu Kookoo	八幡一丁目 Hachiman 1 chome 屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời
八幡二丁目		HACHIMAN2 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	八幡会館	Hội trường Hachiman Kaikan	八幡一丁目 Hachiman 1 chome 屋内 Trong nhà
				地震時 Động đất	八幡二丁目公園	Công viên Hachiman Ni-choome Kooen	八幡二丁目 Hachiman 1 chome 屋外 Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	県立武生高等学校	Trường trung học Takefu Kookoo	八幡一丁目 Hachiman 1 chome 屋内 Trong nhà
押田一・二丁目		OSHIDA 1・2 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	アスピカホール国高	Asupika Hooru Kunitaka (nơi chôn cất)	押田二丁目1-15 Oshida 2 chome 1-15 屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời
国高一丁目		KUNITAKA 1 CHOME		全災害時 Mọi thiên tai	国高さくら公園	Công viên Kunitaka Sakura Kooen	国高一丁目8-1 Kunitaka 1 chome 8-1 屋外 Ngoài trời
国高二丁目		KUNITAKA 2 CHOME		地震時 Động đất	国高公園	Công viên Kunitaka Kooen	国高二丁目 Kunitaka 2 chome
				風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	日吉神社	Đền Hiyoshi
国高三丁目		KUNITAKA 3 CHOME		風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	国高小学校	Trường tiểu học Kunitaka Shoogakkoo
				地震時 Động đất	雇用促進住宅駐車場	Bãi đậu xe của Koyoosokushin Jyuutaku (khu dân cư)	国高三丁目14-6-1 Kunitaka 3 chome 14-6-1 屋外 Ngoài trời
横市町		YOKOICHI-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	横市町集落センター	Trung tâm cộng đồng Yokoichi-cho Shuuraku Sentaa	横市町33-35-4 Yokoichi-cho 33-35-4 屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời
庄町		SHOU-CHO		風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	庄町公民館	Hội trường công cộng Shou-cho Koominkan
				地震時 Động đất	瀧雅駐車場	Bãi đậu xe Nhà hàng Takimasa	庄町43-2 Shou-cho 43-2 屋外 Ngoài trời
塚町		TSUKA-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	塚町会館	Hội trường Tsuka-cho Kaikan	塚町50-58 Tsuka-cho 50-58 屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời
馬上免町		BAJYOME-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	八幡神社境内	Đền Hachiman-jinja	馬上免町 Bajome-cho 屋外 Ngoài trời
稲寄町		INAYOSE-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	八幡神社	Đền Hachiman-jinja	稲寄町 Inayose-cho 屋外 Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	稲寄町公民館	Hội trường công cộng Inayose-cho Koominkan	稲寄町9-3 Inayose-cho 9-3 屋内 Trong nhà
瓜生町		URYU-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	国高労働福祉センター	Trung tâm Kunitaka Roodoo Fukushi Sentaa	瓜生町38-8 Uryu-cho 38-8 屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời
				全災害時 Mọi thiên tai	国高ふれあいセンター	Trung tâm Kunitaka Fureai Sentaa	瓜生町38-5 Uryu-cho 38-5 屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời
高木町		TAKAGI-CHO		風水害時	Thiết hại do gió và lũ lụt	高木町公民館	Hội trường công cộng Takagi-cho Koominkan
				地震時 Động đất	高木町弘運動公園	Công viên Takagi-cho Fuke Undoookoan	高木町 Takagi-cho 屋外 Ngoài trời
長土呂町		NAGATORO-CHO		全災害時 Mọi thiên tai	長土呂公園	Công viên Nagatoro Kooen	長土呂町3-1-19 Nagatoro-cho 3-1-19 屋外 Ngoài trời

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng	災害区分Khu vực thiên tai	住所 地点	電話番号 Số điện thoại
国高小学校	全災害 Mọi thiên tai	国高一丁目15-5 Kunitaka 1 Chome 15-5	0778-22-1045
武生第三中学校	全災害 Mọi thiên tai	村国二丁目3-56 Murakuni 2 Chome 3-56	0778-23-1433

◇避難場所を確認しよう!
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

大虫地区Khu vực OOMUSHI

【一次避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đội...vv	災害区分Khu vực thiên tai	一次避難場所名称Địa điểm lánh nạn tạm thời	避難場所の所在地Địa chỉ nơi sơ tán	屋内・屋外Trong nhà・Ngoài trời				
大虫町		OMUSHI-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	大虫神社境内	Đền Oomushi-jinja	大虫町21-28	Omushi-cho 21-28	屋外	Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	大虫町生活改善センター駐車場	Bãi đậu xe Trung tâm Oomushi-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	大虫町19-8-1	Omushi-cho 19-8-1	屋外	Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	光福寺駐車場	Bãi đậu xe chùa Koofuku-ji	大虫町78-1-1	Omushi-cho 78-1-1	屋外	Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	公園(フレッシュ大虫団地)	Công viên (Khu dân cư Furesshu Oomushi Danchi)	大虫町4-9-6	Omushi-cho 4-9-6	屋外	Ngoài trời
大虫本町		OMUSHIHON-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	大虫本町生活改善センター	Trung tâm Oomushihon-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	大虫本町6-25	Omushihon-cho 6-25	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
上四目町		KAMISHIME-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	上四目町ふれあい会館	Hội trường Kamishime-cho Fureai Kaikan	上四目町6-4-2	Kamishime-cho 6-4-2	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
下四目町	1~6班	SHIMOSHIME-CHO	Nhóm đội 1 ~6	地震時	Động đất	下四目町公民館	Hội trường công cộng Shimoshime-cho Koominkan	下四目町6-1	Shimoshime-cho 6-1	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
	7~10班		Nhóm đội 7 ~10	地震時	Động đất	8・9班公園	Công viên Hachi-kyuu (8・9) -han Kooen	下四目町9-8-4・9-9-18	Shimoshime-cho 9-8-4・9-9-18	屋外	Ngoài trời
高森町	本村1~3班	TAKAMORI-CHO	Nhóm đội Motomura 1,2,3	全災害時	Mọi thiên tai	大虫小学校グラウンド	Sân trường của trường tiểu học Omushi Shoogakkoo Guraundo	高森町14-15	Takamori-cho 14-15	屋外	Ngoài trời
	本村4班、陣屋1・2班		Nhóm đội	全災害時	Mọi thiên tai	陣屋第一公園	Công viên Jinya Dai-ichi Kooen	高森町12-1	Takamori-cho 12-1	屋外	Ngoài trời
	陣屋3、4班		Nhóm đội Jinya 3, 4	全災害時	Mọi thiên tai	陣屋第二公園	Công viên Jinya Dai-ni Kooen	高森町7-1	Takamori-cho 7-1	屋外	Ngoài trời
	西部台1、2班		Nhóm đội Seibudai 1, 2	全災害時	Mọi thiên tai	西部台公園	Công viên Seibudai Kooen	高森町10-1	Takamori-cho 10-1	屋外	Ngoài trời
	西部NT1、2班		Nhóm đội Seibu Nyuutaun 1, 2	全災害時	Mọi thiên tai	西部ニュータウン公園	Công viên Seibu Nyuutaun Kooen	高森町4-3-8	Takamori-cho 4-3-8	屋外	Ngoài trời
丹生郷町	1、2班	NYUNOGO-CHO	Nhóm đội 1, 2	地震時	Động đất	丹生郷町生活改善センター	Trung tâm Nyuunogoo Seikatsu Kaizen Sentaa	丹生郷町10-12-2	Nyunogo-cho 10-12-2	屋外	Ngoài trời
	3、5、7、8班		Nhóm đội 3,5,7,8	地震時	Động đất	JA越前たけふ西部低温倉庫前広場	Quảng trường trước nhà kho JA Echizen-takefu Seibu Teion-sooko	丹生郷町	Nyunogo-cho	屋外	Ngoài trời
	6班		Nhóm đội 6	地震時	Động đất	大虫小学校グラウンド(大虫公民館前)	Sân trường của trường tiểu học Omushi Shoogakkoo Guraundo (Trước hội trường công cộng Omushi)	高森町14-15	Takamori-cho 14-15	屋外	Ngoài trời
三ツ俣町		MITSUMATA-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	三ツ俣町ふれあい会館	Hội trường Mitsumata-cho Fureai Kaikan	三ツ俣町17	Mitsumata-cho 17	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
横根町		YOKONE-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	横根寺駐車場	Bãi đậu xe chùa Yokone-ji	横根町24-8	Yokone-cho 24-8	屋外	Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	西ノ宮公園	Công viên Nishinomiya Kooen	横根町7	Yokone-cho 7	屋外	Ngoài trời
北山町		KITAYAMA-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	北山町集落センター	Trung tâm Kitayama-cho Shuuraku Sentaa	北山町17-24-1	Kitayama-cho 17-24-1	屋内	Trong nhà
				全災害時	Mọi thiên tai	式部台公園(北山公園)	Công viên Shikibudai Kooen (Công viên Kitayama Kooen)	北山町43-1-32	Kitayama-cho 43-1-32	屋外	Ngoài trời
上太田町		KAMIOODA-CHO		風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	上太田町ふれあい会館	Hội trường Kamiooda-cho Fureai Kaikan	上太田町29-3-2	Kamiooda-cho 29-3-2	屋内	Trong nhà
				地震時	Động đất	丹南土木事務所駐車場	Bãi đậu xe Tan-nan Dobokujimusho	上太田町42字1	Kamiooda-cho 42 Aza 1	屋外	Ngoài trời
下太田町	2~10班	SHIMOODA-CHO	Nhóm đội 2~10	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	大虫小学校体育館	Phòng tập thể dục trường tiểu học Oomushi Shoogakkoo Taiikukan	高森町14-15	Takamori-cho 14-15	屋内	Trong nhà
	1班		Nhóm đội 1	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	武生第一中学校体育館	Phòng tập thể dục Trường trung học Takefu Dai-ichi Chugakkoo Taiikukan	平出一丁目6-1	Hiraide 1-chome 6-1	屋内	Trong nhà
	2~10班		Nhóm đội 2~10	地震時	Động đất	日吉神社境内	Đền Hiyoshi-jinja	下太田町	Shimooda-cho	屋外	Ngoài trời
	1班		Nhóm đội 1	地震時	Động đất	アスピカホール駐車場	Bãi đậu xe Asupika Hooru (Nhà tang lễ)	新保町30-43	Shimbo-cho 30-43	屋外	Ngoài trời
新保町 新保一丁目 新保二丁目	1~6班	SHINBO-CHO, SHINBO 1 CHOME, SHINBO 2 CHOME	Nhóm đội 1 ~6	全災害時	Mọi thiên tai	アスピカホール駐車場	Bãi đậu xe Asupika Hooru (Nhà tang lễ)	新保町30-35-2	Shinbo-cho 30-35-2	屋外	Ngoài trời
	7~9班		Nhóm đội 7~9	全災害時	Mọi thiên tai	創価学会武生文化会館駐車場	Bãi đậu xe hội trường Sookagakai Takefu Bunkakaikan	新保町一丁目1-1	Shinbo 1 chome 1-1	屋外	Ngoài trời
	10、11班		Nhóm đội 10, 11	全災害時	Mọi thiên tai	ゲンキー駐車場	Bãi đậu xe Genky	新保町4-10-1	Shinbo-cho 4-10-1	屋外	Ngoài trời
大虫本町勝蓮花		OMUSHIHON-CHO SHORENGE		全災害時	Mọi thiên tai	勝蓮花和満会館	Hội trường Shoorenge Nagomi Kaikan	大虫本町2-8-22	Omushihon-cho 2-8-22	屋外	Ngoài trời

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng	災害区分Khu vực thiên tai	住所Địa chỉ	電話番号Số điện thoại
大虫小学校	全災害 Mọi thiên tai	高森町14-15 Takamori-cho 14-15	0778-22-1109

◇避難場所を確認しよう!
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

王子保地区 Khu vực OOSHIO

【一次避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đội...vv	災害区分 Khu vực thiên tai		一次避難場所名称 Địa điểm lánh nạn tạm thời	避難場所の所在地 Địa chỉ nơi sơ tán	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời			
四郎丸町	1~3, 30班	SHIROMARU-CHO	Nhóm đội 1-3,30	地震時	Động đất	ゲンキー王子保店	Genky chi nhánh Ooshio-ten	四郎丸町48字18-1	Shiromaru-cho 48-18-1	屋外	Ngoài trời
	4~8班		Nhóm đội 4-8	地震時	Động đất	四郎丸町会館	Hội trường Shiromaru-cho Kaikan	四郎丸町41-7-2	Shiromaru-cho 41-7-2	屋外	Ngoài trời
	9、10班		Nhóm đội 9,10	地震時	Động đất	王子保公民館	Hội trường công cộng Ooshio Koominkan	四郎丸町65-2-1	Shiromaru-cho 65-2-1	屋外	Ngoài trời
	11~14班		Nhóm đội 11-14	地震時	Động đất	ビッグベリー王子保店	Big Belly (siêu thị thực phẩm) chi nhánh Ooshio-ten	四郎丸町64-16	Shiromaru-cho 64-16	屋外	Ngoài trời
	15-1、16、17班		Nhóm đội 15-1,16,17	地震時	Động đất	児童会館	Hội trường Jidoo Kaikan	四郎丸町55-4-4	Shiromaru-cho 55-4-4	屋外	Ngoài trời
	18-2、18~20-2班		Nhóm đội 18-2, 18-20-2	地震時	Động đất	武生第六中学校	Trường trung học Takefu Dai-roku Chuugakkoo	四郎丸町16-1	Shiromaru-cho 16-1	屋外	Ngoài trời
塚原町	TSUKAHARA-CHO		風水害時		Thiết hại do gió và lũ lụt	塚原町生活改善センター	Trung tâm Tsukahara-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	塚原町17-3	Tsukahara-cho 17-3	屋内	Trong nhà
			地震時		Động đất	武生第六中学校グラウンド	Sân trường của trường trung học Takefu Dai-roku Chuugakkoo Guraundo	四郎丸町16-1	Shiromaru-cho 16-1	屋外	Ngoài trời
白崎町	SHIROSAKI-CHO		全災害時		Mọi thiên tai	白崎町生活改善センター	Trung tâm Shirosaki-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	白崎町32-24	Shirosaki-cho 32-24	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
			地震時		Động đất	坂口氏宅前駐車場	Bãi đậu xe trước nhà Sakaguchi	白崎町29-1	Shirosaki-cho 29-1	屋外	Ngoài trời
春日野町	1班	KASUGANO-CHO	Nhóm đội 1	全災害時	Mọi thiên tai	万所氏宅	Nhà của ông Mandokoro	春日野町80-24-1	Kasugano-cho 80-24-1	屋外	Ngoài trời
	2班		Nhóm đội 2	全災害時	Mọi thiên tai	八幡神社跡地	Di tích đền thờ thần Hachiman-jinja	春日野町132-2	Kasugano-cho 132-2	屋外	Ngoài trời
	3班		Nhóm đội 3	全災害時	Mọi thiên tai	春日野公民館	Hội trường công cộng Kasugano Koominkan	春日野町51-12	Kasugano-cho 51-12	屋外	Ngoài trời
	4、6班		Nhóm đội 4,6	全災害時	Mọi thiên tai	盛景寺	Chùa Jyokei-ji	春日野町18-15	Kasugano-cho 18-15	屋外	Ngoài trời
	5班		Nhóm đội 5	全災害時	Mọi thiên tai	春日野神社境内	Đền Kasugano-jinja	春日野町31-8	Kasugano-cho 31-8	屋外	Ngoài trời
	5班		Nhóm đội 5	全災害時	Mọi thiên tai	ダイエイ駐車場	Bãi đậu xe Daiei	春日野町	Kasugano-cho	屋外	Ngoài trời
今宿町	IMAJUKU-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	今宿町集落センター	Trung tâm Imajuku-cho Shuuraku Sentaa	今宿町13-18	Imajuku-cho 13-18	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời	
国兼町	KUNIKANE-CHO		風水害時		Thiết hại do gió và lũ lụt	国兼町生活改善センター	Trung tâm Kunikane-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	国兼町23	Kunikane-cho 23	屋内	Trong nhà
			地震時		Động đất	交差点付近	Gần ngã tư	国兼町地係	Kunikane-cho Chigakari	屋外	Ngoài trời
大塩町	1~7班	OSHIO-CHO	Nhóm đội 1-7	全災害時	Mọi thiên tai	大塩町コミュニティセンター	Trung tâm Ooshio-cho Komyuniti Sentaa	大塩町20-1-1	Oshio-cho 20-1-1	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
	8班		Nhóm đội 8	全災害時	Mọi thiên tai	ニューイングランドかみかわ	Nyuu-ingurando Kamikawa (Cửa hàng điện Panasonic)	大塩町4-16	Oshio-cho 4-16	屋外	Ngoài trời
	9班		Nhóm đội 9	全災害時	Mọi thiên tai	武生第六中学校グラウンド	Sân trường của trường trung học Takefu Dai-roku Chuugakkoo Guraundo	四郎丸町16-1	Shiromaru-cho 16-1	屋外	Ngoài trời
上小松町	KAMI KOMATSU-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	上小松公園	Công viên Kamikomatsu Kooen	上小松町	Kami Komatsu-cho	屋外	Ngoài trời	
森久町	MORIHISA-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	林久寺	Chùa Rinkyuu-ji	森久町17-13	Morihisa-cho 17-13	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời	
瓜生野町	URYUNO-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	バス旋回場	Khu vực quay xe buýt (Basu Senkaijoo)	瓜生野町19	Uryuno-cho 19	屋外	Ngoài trời	
中平吹町	NAKAHIRABUKI-CHO		全災害時		Mọi thiên tai	日野神社境内	Đền Hino-jinja	中平吹町80-1-1	Nakahirabuki-cho 80-1-1	屋外	Ngoài trời
			全災害時		Mọi thiên tai	生活改善センター	Trung tâm Seikatsu Kaizen Sentaa	中平吹町82-102	Nakahirabuki-cho 82-102	屋外	Ngoài trời
			全災害時		Mọi thiên tai	10班公園	Công viên Juppan (nhóm đội 10) Kooen	中平吹町14-43	Nakahirabuki-cho 14-43	屋外	Ngoài trời
			全災害時		Mọi thiên tai	11班公園	Công viên Juuichippan (nhóm đội 11) Kooen	中平吹町43-20	Nakahirabuki-cho 43-20	屋外	Ngoài trời
			全災害時		Mọi thiên tai	12班公園	Công viên Juunihan (nhóm đội 12) Kooen	中平吹町19-26	Nakahirabuki-cho 19-26	屋外	Ngoài trời
下平吹町	SHIMOHIRABUKI-CHO		全災害時		Mọi thiên tai	下平吹町公園	Công viên Shimohirabuki-cho Kooen	下平吹町	Shimohirabuki-cho	屋外	Ngoài trời
			全災害時		Mọi thiên tai	下平吹町生活改善センター	Trung tâm Shimohirabuki-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	下平吹町21-39	Shimohirabuki-cho 21-39	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
富士見が丘一・二丁目	FUJIMIGAOKA 1,2 CHOME		全災害時	Mọi thiên tai	ゲンキー王子保店駐車場	Bãi đậu xe Genky chi nhánh Ooshio-ten	四郎丸町48字18-1	Shiromaru-cho 48 Aza 18-1	屋外	Ngoài trời	
向陽町	KOYO-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	向陽会館	Hội trường Kooyoo Kaikan	向陽町88	Koyo-cho 88	屋内	Trong nhà	

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng		災害区分 Khu vực thiên tai		住所 Địa chỉ		電話番号 Số điện thoại
王子保小学校	Trường tiểu học Ooshio Shooagakkoo	全災害	Mọi thiên tai	今宿町5-14	Imajuku-cho 5-14	0778-22-1293
武生第六中学校	Trường trung học Takefu Dai-roku Chuugakkoo	全災害	Mọi thiên tai	四郎丸町16-1	Shiromaru-cho 16-1	0778-22-1462

◇避難場所を確認しよう!
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

北新庄地区 Khu vực KITASHINJOO

【一次避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đội,... vv	災害区分 Khu vực thiên tai	一次避難場所名称 Địa điểm lánh nạn tạm thời	避難場所の所在地 Địa chỉ nơi sơ tán	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời				
北町		KITA-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	北新庄小学校	Trường tiểu học Kitashinjoo Shoogakkoo	北町47-6	Kita-cho 47-6	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	北町公民館	Hội trường công cộng Kita-cho Koominkan	北町43-28	Kita-cho 43-28	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	JA越前たけふ農協旧北新庄支店	JA Echizentakofu Nookyoo (hợp tác xã nông nghiệp) Kyuu Kitashinjoo-shiten	北町26-14	Kita-cho 26-14	屋外	Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	福井県立武生東高等学校	Trường trung học Takefu Higashi Kookoo	北町89-10	Kita-cho 89-10	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	北新庄公民館	Hội trường công cộng Kitashinjoo Koominkan	北町	Kita-cho	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
杉崎町		SUGISAKI-CHO		地震時	Động đất	杉崎町共同作業場広場	Quảng trường Sugisaki-cho Kyoodoo-sagyoojoo Hiroba	杉崎町9-19-1	Sugisaki-cho 9-19-1	屋外	Ngoài trời
				風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	杉崎神社社務所前	Trước văn phòng điện thờ Sugisaki-jinja	杉崎町	Sugisaki-cho	屋外	Ngoài trời
真柄町		MAKARA-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	真柄町生活改善センター	Trung tâm Makara-cho Seikatsu Kaizen Sentaa	真柄町16	Makara-cho 16	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
戸谷町		TOTANI-CHO		風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	戸谷町公民館	Hội trường công cộng Totani-cho Koominkan	戸谷町76-28	Totani-cho 76-28	屋内	Trong nhà
				地震時	Động đất	(株)テクニカフキ駐車場	Bãi đậu xe Tổng công ty Tekunika Fukui	戸谷町81-29	Totani-cho 81-29	屋外	Ngoài trời
長尾町	1、2班	NAGAO-CHO	Nhóm đội 1, 2	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	長尾町公民館	Hội trường công cộng Nagao-cho Koominkan	長尾町63-6	Nagao-cho 63-6	屋内	Trong nhà
	3、4班		Nhóm đội 3, 4	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	北新庄小学校体育館	Phòng tập thể dục trường tiểu học Kitashinjoo Shogakkoo Taiikukan	北町47-6	Kita-cho 47-6	屋内	Trong nhà
	1、2班		Nhóm đội 1, 2	地震時	Động đất	ゲートボール場	Quảng trường Gateball (Geetobooru Joo)	長尾町	Nagao-cho	屋外	Ngoài trời
	3、4班		Nhóm đội 3, 4	地震時	Động đất	4班公園	Công viên Yonpan (nhóm đội 4) Kooen	長尾町	Nagao-cho	屋外	Ngoài trời
	1、2班		Nhóm đội 1, 2	地震時	Động đất	北新庄小学校体育館	Phòng tập thể dục trường tiểu học Kitashinjoo Shogakkoo Taiikukan	北町47-6	Kita-cho 47-6	屋内	Trong nhà
	1、2、3、4班		Nhóm đội 1~4	全災害	Mọi thiên tai	テクニカフキ社屋	Bên trong nhà máy Tekunika Fukui	戸谷町87-1	Totani-cho 87-1	屋内	Trong nhà
中新庄町		NAKASHINJO-CHO		風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	賀茂会館	Hội trường Kamo Kaikan	中新庄町58-26	Nakashinjoo-cho 58-26	屋内	Trong nhà
				地震時	Động đất	賀茂会館前駐車場	Bãi đậu xe trước hội trường Kamo Kaikan	中新庄町58-26	Nakashinjoo-cho 58-26	屋外	Ngoài trời
三ツ屋町		MITSUYA-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	三ツ屋町公民館	Hội trường công cộng Mitsuya-cho Koominkan	三ツ屋町26	Mitsuya-cho 26	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng		災害区分 Khu vực thiên tai		住所 Địa chỉ		電話番号 Số điện thoại
北新庄小学校	Trường tiểu học Kitashinjoo Shoogakkoo	全災害	Mọi thiên tai	北町47-6	Kita-cho 47-6	0778-22-1040

◇避難場所を確認しよう!
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

味真野地区Khu vực AJIMANO

【一次避難場所 地点 避難所名 (避難所名)】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đối...vv	災害区分Khu vực thiên tai	一次避難場所名称Địa điểm lánh nạn tạm thời	避難場所の所在地Địa chỉ nơi sơ tán	屋内・屋外Trong nhà・Ngoài trời
入谷町		IRITANI-CHO		全災害時	入谷町集落センター	入谷町5-26	屋内・屋外
中居町		NAKAI-CHO		風水害時	中居町ふれあい会館	中居町19-15	屋内
				地震時	旧味真野小中居分校グラウンド	中居町19-2	屋外
				全災害時	中居町集落センター	中居町19-15	屋内・屋外
養脇町		MINOWAKI-CHO		風水害時	養脇ふれあい会館	養脇町12-43	屋内・屋外
				地震時	鞍谷神社境内	養脇町	屋外
桧尾谷町		HIODANI-CHO		全災害時	桧尾谷町公民館	桧尾谷町6	屋内・屋外
余川町		YOKAWA-CHO		全災害時	余川生活改善センター	余川町38-1-1	屋内・屋外
				全災害時	余川公園	余川町3-3-24	屋外
				全災害時	越前の里駐車場	余川町55-1	屋外
池泉町		IKEIZUMI-CHO		全災害時	味真野小学校グラウンド	池泉町9	屋外
				全災害時	池泉町生活改善センター	池泉町5-10-1	屋内・屋外
				全災害時	味真野神社境内	池泉町21	屋外
				全災害時	越前の里 お祭り広場	池泉町20	屋外
文室町		FUMURO-CHO		全災害時	文室集落センター	文室町	屋内・屋外
				全災害時	大豊化学前	文室町	屋外
萱谷町		KAYADANI-CHO		全災害時	萱谷町生活改善センター	萱谷町21-27	屋内・屋外
				全災害時	若越みどりの村	萱谷町2-12-1	屋内
上大坪町		KAMIOTSUBO-CHO		全災害時	福井県立南越特別支援学校	上大坪町35-1-1	屋内
味真野町		AJIMANO-CHO		全災害時	味真野町公民館前広場	味真野町8-12	屋外
南小山町		MINAMIOYAMA-CHO		風水害時	小山町生活改善センター	南小山町5-18	屋内
				地震時	小山田神社境内	南小山町	屋外
				全災害時	小山町生活改善センター前	南小山町5-18	屋内・屋外
北小山町		KITAOYAMA-CHO		全災害時	北小山町公民館	北小山町1-26	屋内・屋外
吉村町		YOSHIMURA-CHO		地震時	吉村町公民館前	北小山町24-3	屋外
若宮町		WAKAMIYA-CHO		全災害時	若宮神社	若宮町	屋内・屋外
五分市町		GOBUICHI-CHO		全災害時	味真野小学校グラウンド	池泉町9	屋外
				全災害時	五分市町コミュニティセンター	五分市町4-1	屋内
清水頭町		SHIMIZUGASHIRA-CHO		全災害時	二葉保育園園庭	五分市町3-6-1	屋外
上真柄町		KAMIMAKARA-CHO		全災害時	上真柄町ふれあい会館	上真柄町44-2	屋内・屋外
徳間町		TOKUMA-CHO		全災害時	徳間町公民館	上真柄町(徳間)	屋内・屋外
宮谷町		MIYADANI-CHO		全災害時	宮谷町公民館	宮谷町1-9-1	屋内・屋外
奥宮谷町		OKUMIYADANI-CHO		風水害時	宮谷町生活改善センター	宮谷町45-38-1	屋内・屋外
				地震時	大山昨神社前広場	宮谷町61	屋外
味真野団地		AJIMANODANCHI		風水害時	宮谷町生活改善センター	宮谷町45-38-1	屋内・屋外
				地震時	大山昨神社前広場	宮谷町61	屋外

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng	災害区分Khu vực thiên tai	住所Địa chỉ	電話番号Số điện thoại
味真野小学校 Trường tiểu học Ajimano Shoogakkoo	全災害 Mọi thiên tai	池泉町9-1 Ikezumi-cho 9-1	0778-27-1323

◇避難場所を確認しよう!
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

粟田部地区Khu vực AWATABE

【一次避難場所 Địa điểm lánh nạn tạm thời】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đối... vv	災害区分Khu vực thiên tai		一次避難場所名称Địa điểm lánh nạn tạm thời		避難場所の所在地Địa chỉ nơi sơ tán		屋内・屋外Trong nhà・Ngoài trời	
西樫尾町		NISHIKASHIO-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	西樫尾公民館・運動公園	Hội trường công cộng Nishikashio Koominkan・Công viên thể dục Undoo Kooen	西樫尾町11-6	Nishikashio-cho 11-6	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
西山	上・中・新	NISHIYAMA	KAMI・NAKA・SHIN	全災害時	Mọi thiên tai	うすずみ会館	Hội trường Usuzumi Kaikan	粟田部町71-3-2	Awatabe-cho 71-3-2	屋内	Trong nhà
	南		MINAMI	全災害時	Mọi thiên tai	うすずみ会館	Hội trường Usuzumi Kaikan	粟田部町71-3-2	Awatabe-cho 71-3-2	屋内	Trong nhà
	みどり		MIDORI	地震時	Động đất	レンタルのツダ前空き地	Đất trước cửa hàng Rentaru-no-tsuda	農産業所有地 Todenaki Samayuu	粟田部町71-3-2	Awatabe-cho 71-3-2	屋外
栄	二日市・栄・新栄	SAKAE	FUTSUKAICHI・	全災害時	Mọi thiên tai	うすずみ会館	Hội trường Usuzumi Kaikan	粟田部町71-3-2	Awatabe-cho 71-3-2	屋外	Ngoài trời
			SAKAE・SHINSAKAE	地震時	Động đất	花籠小学校体育館	Phòng tập thể dục trường tiểu học Kakyoo Shoogakkoo Taiikukan	粟田部41-12	Awatabe-cho 41-12	屋内	Trong nhà
宝栄		HOEI		全災害時	Mọi thiên tai	今立体育センター	Trung tâm Giáo dục thể chất Imadate Taiiku Sentaa	岩本町1-9	Iwamoto-cho 1-9	屋内	Trong nhà
蓬萊	共通	HORAI	Tất cả các nhóm	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	感応寺	Chùa Kamoo-ji	粟田部町28-32	Awatabe-cho 28-32	屋内	Trong nhà
				風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	教順寺	Chùa Kyooujun-ji	粟田部町23-24	Awatabe-cho 23-24	屋内	Trong nhà
				風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	円正寺	Chùa Enshoo-ji	粟田部町23-31	Awatabe-cho 23-31	屋内	Trong nhà
	谷、本町大門		TANI, HONMACHI, DAIMON	地震時	Động đất	花籠小学校	Trường tiểu học Kakyoo Shoogakkoo	粟田部町41-12	Awatabe-cho 41-12	屋外	Ngoài trời
八幡		HACHIMAN	地震時	Động đất	鳥会館前広場	Quảng trường trước hội trường Shima Kaikan	粟田部町22-22	Awatabe-cho22-22	屋外	Ngoài trời	
新道、馬場		SHINMICHI, BABA	地震時	Động đất	花籠公園	Công viên Kakyoo Kooen	粟田部町17-20	Awatabe-cho 17-20	屋外	Ngoài trời	
富永	鞍谷川北	TOMINAGA	KURATANIGAWA KITA	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	認定こども園あわたべ(開園時)	Nhà trẻ Nintei-Kodomoen Awatabe (Tại thời điểm khai trương)	粟田部町46-2	Awatabe-cho 46-2	屋内	Trong nhà
				風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	うすずみ会館	Hội trường Usuzumi Kaikan	粟田部町71-3-2	Awatabe-cho 71-3-2	屋内	Trong nhà
				地震時	Động đất	花籠小学校体育館	Phòng tập thể dục trường tiểu học Kakyoo Shoogakkoo Taiikukan	粟田部町41-12	Awatabe-cho 41-12	屋内	Trong nhà
鞍谷川東		KURATANIGAWA HIGASHI	全災害時	Mọi thiên tai	いまだて芸術館	Imadate Geijutsukan (Hội trường văn hóa)	粟田部町11-1-1	Awatabe-cho 11-1-1	屋内	Trong nhà	
鞍谷川南		KURATANIGAWA MINAMI	全災害時	Mọi thiên tai	今立体育センター	Trung tâm giáo dục thể chất Imadate Taiiku Sentaa	岩本町1-9	Iwamoto-cho 1-9	屋内	Trong nhà	
鞍谷(中央1・2丁目)		KURATANI(CHUO 1・2 CHOME)		全災害時	Mọi thiên tai	いまだて芸術館	Imadate Geijutsukan (Hội trường văn hóa)	粟田部町11-1-1	Awatabe-cho 11-1-1	屋内	Trong nhà
				地震時	Động đất	粟田部体育館	Phòng tập thể dục Awatabe Taiikukan	粟田部町中央一丁目501	Awatabe-cho Chuo 1 Chome 501	屋内	Trong nhà
				地震時	Động đất	さくら広場	Quảng trường Sakura Hiroba	粟田部町38-1	Awatabe-cho38-1	屋外	Ngoài trời
旭	舟橋	ASAHI	FUNABASHI	地震時	Động đất	花籠小学校グラウンド	Sân trường của trường tiểu học Kakyoo Shoogakkoo Guranudo	粟田部町41-12	Awatabe-cho 41-12	屋外	Ngoài trời
			仲佐山	全災害時	Mọi thiên tai	佐山姫公園	Công viên Sayamahime Kooen	粟田部町15-53-1	Awatabe-cho 15-53-1	屋外	Ngoài trời
	上佐山	ASAHI	NAKASAYAMA	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	妙導寺	Chùa Myoodoo-ji	粟田部町28-30	Awatabe-cho 28-30	屋外	Ngoài trời
			KAMISAYAMA	全災害時	Mọi thiên tai	佐山姫公園	Công viên Sayamahime Kooen	粟田部町15-53-1	Awatabe-cho 15-53-1	屋外	Ngoài trời
	佐山銀座天神	ASAHI	SAYAMAGINZA	全災害時	Mọi thiên tai	佐山姫公園	Công viên Sayamahime Kooen	粟田部町15-53-1	Awatabe-cho 15-53-1	屋外	Ngoài trời
			TENJIN	風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	善玖寺	Chùa Zenkyuu-ji	粟田部町16-12	Awatabe-cho16-12	屋外	Ngoài trời
下佐山		SIMOSAYAMA	地震時	Động đất	佐山姫公園	Công viên Sayamahime Kooen	粟田部町15-53-1	Awatabe-cho 15-53-1	屋外	Ngoài trời	
			風水害時	Thiệt hại do gió và lũ lụt	関組	Công ty xây dựng Sekigumi	粟田部町6-26	Awatabe-cho 6-26	屋外	Ngoài trời	

【広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng】

広域避難場所Khu vực sơ tán diện rộng	災害区分Khu vực thiên tai	住所Địa chỉ		電話番号Số điện thoại
花籠小学校	地震時	Động đất	粟田部町41-12 Awatabe-cho 41-12	0778-42-0045
いまだて芸術館	全災害	Mọi thiên tai	粟田部町11-11-1 Awatabe-cho 11-1-1	0778-42-2700
今立体育センター	全災害	Mọi thiên tai	岩本町1-9 Iwamoto-cho 1-9	0778-43-1587

◇避難場所を確認しよう！
◇Cùng nhau xác nhận địa điểm lánh nạn!

福井県越前市 Thành phố Echizen, tỉnh Fukui

岡本地区 Khu vực OKAMOTO

【一次避難場所 地点 避難場所 避難所】

町名	班等	Tên Phường	Nhóm đội,... vv	災害区分 Khu vực thiên tai	一次避難場所名称 地点 避難場所	避難場所の所在地 地点 避難所	屋内・屋外 Trong nhà・Ngoài trời				
不老町		OIZU-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	不老公民館	Hội trường công cộng Oizu Koominkan	不老町66-1	Oizu-cho 66-1	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
大滝町		OTAKI-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	越前和紙組合跡地	Văn phòng Echizenwashi-kumiai cũ	大滝町11-11	Otaki-cho 11-11	屋外	Ngoài trời
岩本町	1~11組	IWAMOTO-CHO	Nhóm đội 1~11	全災害時	Mọi thiên tai	岩本公民館	Hội trường công cộng Iwamoto Koominkan	岩本町10-49-1	Iwamoto-cho 10-49-1	屋外	Ngoài trời
	12~15組			全災害時	Mọi thiên tai	岡本保育所	Nhà trẻ Okamoto Hoikusho	岩本町5-26	Iwamoto-cho 5-26	屋外	Ngoài trời
新在家町		SHINZAIKE-CHO	Nhóm đội 12~15	全災害時	Mọi thiên tai	今立体育センター	Trung tâm giáo dục thể chất Imadate Taiiku Sentaa	岩本町1-9	Iwamoto-cho 1-9	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	パピルス館	Papirusukan (Hội trường giấy Nhật)	新在家町8-44	Sinzaike-cho 8-44	屋外	Ngoài trời
定友町	2~8班	SADATOMO-CHO	Nhóm đội 2~8	全災害時	Mọi thiên tai	岡本小学校グラウンド	Sân trường của trường tiểu học Okamoto Shoogakkoo Guraundo	定友町10-15	Sadatomo-cho 10-15	屋外	Ngoài trời
	1・9~12班			全災害時	Mọi thiên tai	あいばーく今立駐車場	Bãi đậu xe Aipaku imadate	粟田部町9-1-9	Awatabe-cho 9-1-9	屋外	Ngoài trời
杉尾町		SUGIO-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	杉尾集落センター	Trung tâm Sugio Shuuraku Sentaa	杉尾町18-63-1	Sugio-cho 18-63-1	屋内	Trong nhà
				全災害時	Mọi thiên tai	社会福祉センター	Trung tâm Shakaifukushi Sentaa	杉尾町1-27-1	Sugio-cho 1-27-1	屋内	Trong nhà
轟井町		TODOROI-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	南林寺	Chùa Nanrin-ji	轟井町31-2	Todoroi-cho 31-2	屋内	Trong nhà
				全災害時	Mọi thiên tai	月尾サブセンター	Trung tâm Tsukio Sabusentaa	轟井町21-29-1	Todoroi-cho 21-29-1	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
島町	北側	SHIMA-CHO	Phía bắc	全災害時	Mọi thiên tai	南林寺	Chùa Nanrin-ji	轟井町31-2	Todoroi-cho 31-2	屋内	Trong nhà
	南側		Phía nam	全災害時	Mọi thiên tai	月尾サブセンター	Trung tâm Tsukio Sabusentaa	轟井町21-29-1	Todoroi-cho 21-29-1	屋内	Trong nhà
長五町		CHOGO-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	八石集落センター	Trung tâm Hachikoku Shuuraku Sentaa	八石町2-42	Hachikoku-cho 2-42	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
大平町	西側	OHIRA-CHO	Phía tây	全災害時	Mọi thiên tai	大平公民館	Hội trường công cộng Oohira Koominkan	大平町21-1	Ohira-cho 21-1	屋内	Trong nhà
	東側		Phía đông	全災害時	Mọi thiên tai	八石集落センター	Trung tâm Hachikoku Shuuraku Sentaa	八石町2-42	Hachikoku-cho 2-42	屋内	Trong nhà
八石町		HACHIKOKU-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	八石集落センター	Trung tâm Hachikoku Shuuraku Sentaa	八石町2-42	Hachikoku-cho 2-42	屋内	Trong nhà
中印町		NAKAIN-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	本竜寺(境内)	Chùa Honryuu-ji	中印町37-23	Nakain-cho 37-23	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
				全災害時	Mọi thiên tai	八石集落センター	Trung tâm Hachikoku Shuuraku Sentaa	八石町2-42	Hachikoku-cho 2-42	屋内・屋外	Trong nhà・Ngoài trời
別印町		BETSUIN-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	教徳寺(境内)	Chùa Kyootoku-ji	別印町3-41	Betsuin-cho 3-41	屋外	Ngoài trời
南坂下町		MINAMISAKASHITA-CHO		全災害時	Mọi thiên tai	白山神社境内	Đền Hakusan-jinja	南坂下町22-28	Minamisakashita-cho 22-28	屋外	Ngoài trời

【広域避難場所 避難場所 避難所 避難所】

広域避難場所 Khu vực sơ tán diện rộng	災害区分 Khu vực thiên tai	住所 地点	電話番号 Số điện thoại
岡本小学校	全災害時	定友町10-15	0778-42-0101

